

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĂN LĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **889** /QĐ-UBND

Văn Lăng, ngày **02** tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn chương trình MTQG trung hạn giai đoạn 2021 -2025 và Kế hoạch đầu tư chương trình MTQG năm 2025 (nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia được kéo dài từ năm 2025 sang năm 2026)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN LĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 26/9/2026 của HĐND xã Văn Lăng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn chương trình MTQG trung hạn giai đoạn 2021 -2025 và Kế hoạch đầu tư chương trình MTQG năm 2025 (nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia được kéo dài từ năm 2025 sang năm 2026),

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 26/9/2026 của UBND xã Văn Lăng về việc Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn chương trình MTQG trung hạn giai đoạn 2021 -2025 và Kế hoạch đầu tư chương trình MTQG năm 2025 (nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia được kéo dài từ năm 2025 sang năm 2026);

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã Văn Lăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn chương trình MTQG trung hạn giai đoạn 2021 -2025 và Kế hoạch đầu tư chương trình MTQG năm 2025 (nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia được kéo dài từ năm 2025 sang năm 2026).

(có biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Đa*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban mặt trận tổ quốc xã;
- Các phòng thuộc UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã Văn Lãng;
- Lưu VT, KT. *Đa*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hà Quang Trọng



BIỂU SỐ LIỆU CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Văn Lãng)

Đơn vị tính: Đồng

Kế hoạch vốn đầu tư CT MTQG giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt										Điều chỉnh giảm				Kế hoạch vốn đầu tư CT MTQG giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)						
TT	Danh mục dự án/ chương trình	Chủ đầu tư	Mã chương trình MTQG			Địa điểm thực hiện	Tổng mức đầu tư	Thảo luận dự án	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			NS TW	NS tỉnh	NS xã					Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	NS xã		Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	NS xã		Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	Ngân sách xã
	TỔNG SỐ						12.918.119.609		13.142.000.000	10.313.000.000	2.769.000.000	60.000.000	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000	12.069.907.208	9.475.515.710	2.552.391.498	42.000.000
I	Vốn chương trình MTQG NTM giai đoạn 2021-2025						5.655.703.586		5.612.000.000	3.837.000.000	1.775.000.000	0	232.691.851	57.931.349	174.760.502	0	5.379.308.149	3.779.068.651	1.600.239.498	0
*	Dự án đã phê duyệt quyết toán						2.361.703.586		2.318.000.000	888.000.000	1.430.000.000	0	13.887.156	831.065	13.056.091	0	2.304.112.844	887.168.935	1.416.943.909	0
1	Xây dựng sân, hàng rào nhà văn hóa xóm Khe Quăn, xã Văn Lãng	Trung tâm dịch vụ tổng hợp		20492		xã Văn Lãng, tỉnh Thái Nguyên	225.118.455	2025-2026	225.000.000	140.000.000	85.000.000		3.994.897	3.994.897			221.005.103	140.000.000	81.005.103	0
2	Cải tạo, nâng cấp đường bê tông xóm Trung Thanh đi xóm Ba Đình xã Tân Long	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	10492			xã Văn Lãng, tỉnh Thái Nguyên	401.175.073	2025-2026	400.000.000	400.000.000			831.065				399.168.935	399.168.935	0	
3	Cải tạo, nâng cấp đường bê tông xóm Tân Đồ xã Hòa Bình	Trung tâm dịch vụ tổng hợp		20492		xã Văn Lãng, tỉnh Thái Nguyên	999.999.766	2025-2026	1.000.000.000		1.000.000.000		8.596.260	8.596.260			991.403.740	0	991.403.740	
4	Cải tạo, nâng cấp sân, công, tường rào trường tiểu học và trung học cơ sở xã Hòa Bình	Trung tâm dịch vụ tổng hợp		20492		xã Văn Lãng, tỉnh Thái Nguyên	735.410.292	2025-2026	693.000.000	348.000.000	345.000.000		464.934	0	464.934		692.535.066	348.000.000	344.535.066	
*	Dự án dự kiến thôn vốn						3.294.000.000		3.294.000.000	2.949.000.000	345.000.000	0	218.804.695	57.100.284	161.704.411	0	3.075.195.305	2.891.899.716	183.295.589	0
	Xây dựng đường tran liên hợp công Khe Mong xóm Tân Thanh xã Văn Lãng	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	10492	20492		xã Văn Lãng, tỉnh Thái Nguyên	3.294.000.000	2025-2026	3.294.000.000	2.949.000.000	345.000.000		218.804.695	57.100.284	161.704.411		3.075.195.305	2.891.899.716	183.295.589	0
II	Vốn chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025						7.262.416.023		7.530.000.000	6.476.000.000	994.000.000	60.000.000	839.400.941	779.552.941	41.848.000	18.000.000	6.690.599.059	5.696.447.059	952.152.000	42.000.000
I	Dự án dự kiến thôn vốn, không còn nhiệm vụ chỉ						3.123.685.135		3.380.000.000	3.200.000.000	120.000.000	60.000.000	564.198.267	510.198.267	36.000.000	18.000.000	2.815.801.733	2.689.801.733	84.000.000	42.000.000
*	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt						1.743.685.135		2.000.000.000	2.000.000.000		0	150.198.267	150.198.267	0	0	1.849.801.733	1.849.801.733	0	0
-	Cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xóm Văn Lãng	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	10511			xã Văn Lãng, tỉnh Thái Nguyên	1.743.685.135	2025-2026	2.000.000.000	2.000.000.000			150.198.267	150.198.267			1.849.801.733	1.849.801.733	0	0
*	Dự án 2 : Quy hoạch sắp xếp bố trí ổn định dân cư						1.380.000.000		1.380.000.000	1.200.000.000	120.000.000	60.000.000	414.000.000	360.000.000	36.000.000	18.000.000	966.000.000	840.000.000	84.000.000	42.000.000
-	Hỗ trợ nhà ở (Khu tái định cư tập trung xóm Bàn Ten xã Văn Lãng 30 hộ)	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	10512	20512	40512	xã Văn Lãng, tỉnh Thái Nguyên	1.380.000.000	2025-2026	1.380.000.000	1.200.000.000	120.000.000	60.000.000	414.000.000	360.000.000	36.000.000	18.000.000	966.000.000	840.000.000	84.000.000	42.000.000
2	Dự án đã phê duyệt quyết toán						4.138.730.888		4.150.000.000	3.276.000.000	874.000.000	0	275.202.674	269.354.674	5.848.000	0	3.874.797.326	3.006.645.326	868.152.000	0
*	Dự án 2 : Quy hoạch sắp xếp bố trí ổn định dân cư						589.570.493		600.000.000	600.000.000		0	48.561.833	48.561.833	0	0	551.438.167	551.438.167	0	0

Đã phê duyệt

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Châu đầu tư	Mã chương trình MITQG			Địa điểm thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện dự kiến	Kế hoạch vốn đầu tư CT MITQG giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt				Điều chỉnh giảm				Kế hoạch vốn đầu tư CT MITQG giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh)			
			Trong đó						Trong đó			Trong đó			Trong đó			Trong đó		
			NS TW	NS tỉnh	NS xã				Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMITQG	NS xã	Tổng số	Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMITQG	NS xã	Tổng số	Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMITQG	Ngân sách xã	
-	Khu tái định cư tập trung xóm Liên Phương xã Văn Lãng, Hạng mục: Xây dựng hệ thống sạt lở đường vào Khu tái định cư	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	10512			xã Văn Lãng, tỉnh Thái Nguyên	589 570 493	2025-2026	600 000 000	600 000 000		48 561 833	48 561 833			551 438 167	551 438 167	0	0	
*	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực						3.549.160.395		3.550.000.000	2.676.000.000	874.000.000	0	226.640.841	220.792.841	5.848.000	0	3.323.359.159	2.455.207.159	868.152.000	0
-	Xây dựng nhà đa năng trường PTDTBT THCS Văn Lãng	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	10515	20515		xã Văn Lãng, tỉnh Thái Nguyên	3.549 160 395	2025-2026	3.550 000 000	2.676 000 000	874 000 000	226.640.841	220.792.841	5.848.000		3.323.359.159	2.455.207.159	868.152.000	0	



[Handwritten signature]

BIỂU SỐ LIỆU CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025 XÃ VĂN LĂNG

(Kèm theo Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Văn Lăng)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Chức năng tư	Mã chương trình MTQG			Thời gian thực hiện dự án	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 đã được phê duyệt			Điều chỉnh giảm			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 (sau điều chỉnh)					
			NS TW	NS tỉnh	NS xã		Tổng số	Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	NS xã	Tổng số	Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	NS xã	Tổng số	Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	Ngân sách xã
TỔNG SỐ							13.142.000.000	10.313.000.000	2.769.000.000	60.000.000	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000	12.069.907.208	9.475.515.710	2.552.391.498	42.000.000
1	Vấn chương trình MTQG NTM					5.612.000.000	3.837.000.000	1.775.000.000	0	232.691.851	57.931.349	174.760.502	0	5.379.308.149	3.779.068.651	1.600.239.498	0	
*	Dự án đã phê duyệt quyết toán					2.318.000.000	888.000.000	1.430.000.000	0	13.887.156	831.065	13.056.091	0	2.304.112.844	887.168.935	1.416.943.909	0	
1	Xây dựng sân, hàng rào nhà văn hoá xóm Khe Quăn, xã Văn Lăng	Trung tâm dịch vụ tổng hợp		20492		2025-2026	225.000.000	140.000.000	85.000.000		3.994.897		3.994.897		221.005.103	140.000.000	81.005.103	0
2	Cải tạo, nâng cấp đường bê tông xóm Trung Thành đi xóm Ba Đình xã Tân Long	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	10492			2025-2026	400.000.000	400.000.000			831.065	831.065			399.168.935	399.168.935	0	
3	Cải tạo, nâng cấp đường bê tông xóm Tân Đô xã Hoà Bình	Trung tâm dịch vụ tổng hợp		20492		2025-2026	1.000.000.000		1.000.000.000		8.596.260		8.596.260		991.403.740		991.403.740	
4	Cải tạo, nâng cấp sân, công, tường rào trường tiểu học và trung học cơ sở xã Hoà Bình	Trung tâm dịch vụ tổng hợp		20492		2025-2026	693.000.000	348.000.000	345.000.000		464.934	0	464.934		692.535.066	348.000.000	344.535.066	
*	Dự án dự kiến thừa vốn						3.294.000.000	2.949.000.000	345.000.000	0	218.804.695	57.100.284	161.704.411	0	3.075.195.305	2.891.899.716	183.295.589	0
II	Vấn chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						7.530.000.000	6.476.000.000	994.000.000	60.000.000	839.400.941	779.552.941	41.848.000	18.000.000	6.690.599.059	5.696.447.059	952.151.000	42.000.000
I	Dự án dự kiến thừa vốn, không còn nhiệm vụ chi						3.380.000.000	3.200.000.000	120.000.000	60.000.000	564.198.267	510.198.267	36.000.000	18.000.000	2.815.801.733	2.689.801.733	84.000.000	42.000.000
-	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt						2.000.000.000	2.000.000.000	0	0	150.198.267	150.198.267	0	0	1.849.801.733	1.849.801.733	0	0
-	Cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xóm Văn Lăng	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	10511			2025-2026	2.000.000.000	2.000.000.000			150.198.267	150.198.267			1.849.801.733	1.849.801.733	0	0
-	Dự án 2 : Quy hoạch sắp xếp bố trí ổn định dân cư						1.380.000.000	1.200.000.000	120.000.000	60.000.000	414.000.000	360.000.000	36.000.000	18.000.000	966.000.000	840.000.000	84.000.000	42.000.000
	Hỗ trợ nhà ở (Khu tái định cư tập trung xóm Bàn Tền xã Văn Lăng 30 hộ)	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	10512	20512	40512	2025-2026	1.380.000.000	1.200.000.000	120.000.000	60.000.000	414.000.000	360.000.000	36.000.000	18.000.000	966.000.000	840.000.000	84.000.000	42.000.000
2	Dự án đã phê duyệt quyết toán						4.150.000.000	3.276.000.000	874.000.000	0	275.202.674	269.354.674	5.848.000	0	3.874.797.326	3.006.645.326	868.152.000	0
*	Dự án 2 : Quy hoạch sắp xếp bố trí ổn định dân cư						600.000.000	600.000.000	0	0	48.561.833	48.561.833	0	0	551.438.167	551.438.167	0	0

Mã chương trình MTQG	Chức năng nhiệm vụ	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 đã được phê duyệt						Điều chỉnh giảm						Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 (sau điều chỉnh)								
		Trong đó			Thời gian thực hiện dự án	Tổng số	Trong đó			Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
		NS TW	NS tỉnh	NS xã			Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	NS xã	Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	NS xã		Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	Ngân sách xã						
TT	Danh mục dự án/ chương trình																					
1	Khu tái định cư tập trung xóm Liên Phương xã Văn Lãng; Hàng mục: Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và Khu tái định cư	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	10512			2025-2026	600.000.000	600.000.000			48.561.833	48.561.833			551.438.167	551.438.167		0				0
*	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực						3.550.000.000	2.676.000.000	874.000.000	0	226.640.841	220.792.841	5.848.000	0	3.323.359.159	2.455.207.159	868.152.000	0				0
	Xây dựng nhà đa năng trường PTDTBT THCS Văn Lãng	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	10515	20515		2025-2026	3.550.000.000	2.676.000.000	874.000.000	226.640.841	220.792.841	5.848.000		3.323.359.159	2.455.207.159	868.152.000	0					0

6/2

BIỂU SỔ LIỆU CÔNG KHAI BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHUÔNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026-2030 XÃ VĂN LÃNG (Lần 1)
(Kèm theo Quyết định số 111/QĐ UBND ngày 02 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Văn Lăng)

Đơn vị tính: Đồng

Kế hoạch vốn đầu tư CT MTQG giai đoạn 2026-2030										Điều chỉnh tăng					Kế hoạch vốn đầu tư CT MTQG giai đoạn 2026-2030 (sau điều chỉnh)				
TT	Danh mục dự án/ chương trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	NS TW	NS tỉnh	NS xã	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
									Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	NS xã		Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	NS xã		Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	Ngân sách xã
	TỔNG SỐ		3.230.000.000					0	0	0	0	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000
1	Vốn đầu tư chuyển nguồn giai đoạn 2021-2025 sang thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030		3.230.000.000					0	0	0	0	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000
	Hợp phần thứ nhất		3.230.000.000					0	0	0	0	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000
*	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu		3.230.000.000					0	0	0	0	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000
	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo		3.230.000.000					0	0	0	0	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường bê tông xôn Tân Đỗ xã Văn Lăng	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	2.000.000.000	2026-2030	11103	21103	41103	0				591.000.000	523.951.078	49.048.922	18.000.000	591.000.000	523.951.078	49.048.922	18.000.000
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường bê tông xôn Tân Lập xã Văn Lăng	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	1.230.000.000	2026-2030	11103	21103		0				481.092.792	313.533.212	167.559.580		481.092.792	313.533.212	167.559.580	0

BIỂU SỐ LIỆU CÔNG KHAI BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH TIÊU QUỐC GIA NĂM 2026 XÃ VĂN LĂNG (Lần 1)

(Kèm theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Văn Lăng)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Kế hoạch vốn đầu tư CT MTQG năm 2026										Điều chỉnh tăng						Kế hoạch vốn đầu tư CT MTQG năm 2026 (sau điều chỉnh)					
					Mức chi trả theo MTQG					Trong đó					Trong đó			Trong đó			Trong đó					
					Trong đó					Trong đó					Trong đó			Trong đó			Trong đó					
					NS TW	NS tỉnh	NS xã	Tổng số	Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	NS xã	Tổng số	NS TW	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	NS xã	Tổng số	NS TW	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	NS xã	Tổng số	NS TW	Ngân sách tỉnh hỗ trợ CTMTQG	NS xã	Tổng số		
	TỔNG SỐ		3.230.000.000				0	0	0	0	0	0	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000						
1	Vốn đầu tư chuyển nguồn năm 2025 sang thực hiện nhiệm vụ năm 2026		3.230.000.000				0	0	0	0	0	0	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000						
	Hợp phần thứ nhất		3.230.000.000				0	0	0	0	0	0	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000						
*	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu		3.230.000.000				0	0	0	0	0	0	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000						
	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo		3.230.000.000				0	0	0	0	0	0	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000	1.072.092.792	837.484.290	216.608.502	18.000.000						
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường bê tông xóm Tân Đỗ xã Văn Lăng	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	2.000.000.000	2026-2030	11103	21103	41103	0					591.000.000	523.951.078	49.048.922	18.000.000	591.000.000	523.951.078	49.048.922	18.000.000						
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường bê tông xóm Tân Lập xã Văn Lăng	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	1.230.000.000	2026-2030	11103	21103		0					481.092.792	313.533.212	167.559.580		481.092.792	313.533.212	167.559.580		0					